

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HS-ST

Ngày: 28/3/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Tiên Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Hiền
2. Bà Nguyễn Thị Là

Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thuận Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng.

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên toà: Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên

Trong các ngày 24,25,26,27 và 28 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số : 02/2023/TLST-HS ngày 06/01/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST- HS ngày 17/02/2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc Xuân Th. sinh ngày 16/12/1978, tại xã Lô Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình;

Nơi cư trú: Thôn A B, xã L Gi, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn Th (đã chết) và bà: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1956; Có vợ: Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1984 và có 04 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2020;

+Tiền sự: Không; +Tiền án: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 20/10/2022 đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên toà)

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1- Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1994, trú tại xã L G, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

2- Vũ Tiên Th1, sinh năm 1987, trú tại thôn Đông Đ K, xã Đ Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

3- anh Bùi Đức Ngh, sinh năm 1989, trú tại thôn Kh L, xã T Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

4- anh Nguyễn văn L, sinh năm 1990, trú tại Thôn A B, xã Lô Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

5- anh Đào Hải L, sinh năm 1975, trú tại thôn Ph N, xã L G, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

6- anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1999, HKTT: Thôn A N, xã A Ch, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

(Có mặt anh L tại phiên tòa, còn lại đều vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc Xuân Th, sinh năm 1978, trú tại: Thôn A B, xã Lô Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình làm lao động tự do, không có đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực cho vay tín dụng. Từ đầu năm 2021 đến tháng 10/2022, lợi dụng lúc người vay tiền khó khăn trong việc thiếu vốn làm ăn nên Th đã cho nhiều người vay tiền với lãi cao với tổng số tiền cho vay là 286.000.000 đồng, mức lãi suất thỏa thuận thấp nhất 109,5%/năm đến 182,5% năm gấp từ 5,475 lần đến 9,125 lần lãi suất cao nhất cho phép quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Quá trình cho vay Nguyễn Ngọc Xuân Th đã thu được số tiền gốc là 65.000.000 đồng, lãi là 277.630.000, trong số tiền lãi Nguyễn Ngọc Xuân Th được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự (20%) là **39.640.497đồng**, còn lại tiền thu lời bất chính là **237989.503 đồng**. Tiền người vay tự nguyện nộp lãi 3.000.000 đồng. Số tiền gốc người vay chưa trả là **221.000.000 đồng**, cụ thể như sau:

1. Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1994, trú tại xã Lô Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Do có mối quan hệ quen biết, chơi với nhau. Ngày 08/02/2022, C đến nhà Th hỏi vay Th số tiền 100.000.000 đồng, mục đích kinh doanh và hẹn trong thời gian 01 tháng sẽ trả. Th đồng ý. Cả hai thống nhất mức lãi suất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với lãi suất 0,3%/ngày; 109,5%/năm (*gấp 5,475 lần mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự*). Nếu không trả được gốc đúng hạn thì định kỳ vào ngày 12 hàng tháng C phải trả lãi vay cho Th một lần bằng hình thức trả tiền mặt hoặc chuyển qua tài khoản ngân hàng của Th là 3405205188244 tại Ngân hàng AgriBank. Việc vay nợ và lập Th vẫn bản có chữ ký của C nhưng tại văn bản không ghi thỏa thuận lãi. Th đã giao tiền cho C. Do không có tiền trả nợ gốc nên C đã nợ lại tiền gốc và trả lãi hàng tháng cho Th. Quá trình tính lãi bắt đầu tính từ ngày 08/02/2022 đến 18/10/2022 (ngày bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện) là 253 ngày, theo thỏa thuận số tiền lãi C phải trả cho Th là 253 ngày $\times$ 300.000 đồng/ngày = 75.900.000. Số tiền lãi

tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự trong thời gian này là $(100.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày}) \times 253 \text{ ngày} = 13.863.014 \text{ đồng}$. Số tiền Th thu lợi bất chính là $75.900.000 \text{ đồng} - 13.863.014 \text{ đồng} = \mathbf{62.036.986 \text{ đồng}}$. Tuy nhiên trên thực tế C mới trả được lãi (210 ngày tương ứng với các tháng 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9) với số tiền là 63.000.000 đồng và 3.000.000 đồng C tự nguyện trả lãi chậm trả. Số nợ gốc 100.000.000 đồng C vẫn nợ lại Th; cách thức trả lãi là C dùng số tài khoản 199414109999 ở ngân hàng MBBank chuyển đến số tài khoản 3405205188244 của Th ở ngân hàng AgriBank.

Ngày 18/10/2022, Th bị Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng triệu tập lên làm việc, ngày 25/10/2022, Th đã giao nộp lại 01 tờ giấy nhận tiền và số tiền **66.000.000 đồng** (*Sáu mươi sáu triệu đồng*) là toàn bộ tiền lãi mà Th đã nhận từ C.

2. Vũ Tiến Th1, sinh năm 1987, trú tại thôn Đông Đ K, xã Đ Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đã vay của Th 03 lần, gồm:

Lần 1: Ngày 20/8/2021, Vũ Tiến Th1 vay của Nguyễn Ngọc Xuân Th vay số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận bằng miệng lãi là 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày (*tương ứng với 0,5 %/ tháng, 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự*), đủ 30 ngày Tiến Th phải trả lãi cho Xuân Th số tiền 7.500.000 đồng tiền lãi. Việc vay nợ và lập Th văn bản có chữ ký của Vũ Tiến Th1 nhưng tại văn bản không ghi thỏa thuận lãi. Thời gian vay từ 20/8/2021 đến ngày 18/10/2022 ngày bị cơ quan điều tra phát hiện là 425 ngày. Số tiền lãi Tiến Th phải trả cho Xuân Th là: $425 \text{ ngày} \times 250.000 \text{ đồng/ngày} = 106.250.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự trong 425 ngày là $(50.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày}) \times 425 \text{ ngày} = 11.643.836 \text{ đồng}$. Số tiền Th thu lợi bất chính là $106.250.000 \text{ đồng} - 11.643.836 \text{ đồng} = \mathbf{94.606.164 \text{ đồng}}$. Tuy nhiên thực tế Tiến Th đã trả cho Xuân Th 330 ngày lãi tương ứng với: $250.000 \text{ đồng} \times 330 \text{ ngày} = 82.500.000 \text{ đồng}$. Gốc chưa trả.

Lần 2: Ngày 05/9/2021, Vũ Tiến Th1 vay của Xuân Th số tiền 50.000.000 đồng, với các điều kiện thỏa thuận như lần thứ nhất. Tính từ ngày 05/9/2022 đến ngày 18/10/2022 ngày bị cơ quan điều tra phát hiện mỗi ngày anh Tiến Th phải trả cho Th là $0,5\% \times 50.000.000 \text{ đồng} = 250.000 \text{ đồng/ngày}$. Tính đến ngày 18/10/2022 (ngày bị phát hiện), thời gian vay là 409 ngày. Tổng số tiền lãi phải trả là $409 \text{ ngày} \times 250.00 \text{ đồng} = 102.250.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự trong thời gian từ 5/9/2021 đến 18/10/2022 là: $(50.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày}) \times 409 \text{ ngày} = 11.205.480 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền Th thu lợi bất chính trong thời gian này bị xem xét xử lý trách nhiệm hình sự là $102.250.000 \text{ đồng} - 11.205.480 \text{ đồng} = \mathbf{91.044.520 \text{ đồng}}$. Tuy nhiên trên thực tế Tiến Th 1 mới trả cho Xuân Th 300 ngày lãi tương ứng với số tiền là $250.000 \text{ đồng} \times 300 \text{ ngày} = 75.000.000 \text{ đồng}$. Gốc chưa trả.

Lần 3: Ngày 30/3/2022, Tiến Th nhập tiền lãi chưa trả của các tháng là 30.000.000 đồng và vay thêm 10.000.000 đồng, tổng tiền vay là 40.000.000 đồng, với các điều kiện thỏa thuận như trên (có viết giấy vay nợ). Tức là mỗi ngày Tiến Th phải trả cho Xuân Th số tiền lãi là $0,5\% \times 40.000.000 \text{ đồng} =$

200.000 đồng, tương ứng với 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự. Tính từ ngày 30/3/2022 đến ngày 18/10/2022, thì thời gian vay là 203 ngày. Tổng số tiền Tiến Th phải trả lãi cho Xuân Th là $203 \text{ ngày} \times 200.000 \text{ đồng/ngày} = 40.600.000 \text{ đồng}$; số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự trong thời gian từ 30/3/2022 đến ngày 18/10/2023 là: $10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 203 \text{ ngày} = 1.112.329 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền Th thu lợi bất chính trong thời gian này là $40.600.000 \text{ đồng} - 1.112.329 \text{ đồng} = \mathbf{39.487.671 \text{ đồng}}$. Tuy nhiên thực tế Tiến Th mới chỉ trả lãi cho X Th trong 180 ngày tương ứng là $200.000 \text{ đồng} \times 180 \text{ ngày} = 36.000.000 \text{ đồng}$. Gốc chưa trả.

Như vậy, tổng số tiền thực tế Xuân Th cho Vũ Tiến Th1 vay trong 03 lần là 110.00.000 đồng. Số tiền lãi mà Vũ Tiến Th1 phải trả cho Xuân Th là 249.100.000 đồng, số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) là 23.961.645 đồng, số tiền Th thu lợi bất chính là **225.138.355 đồng**. Số tiền lãi Vũ Tiến Th1 đã trả thực tế cho Xuân Th là 193.500.000 đồng, số nợ gốc Tiến Th chưa trả cho Th là 110.000.000 đồng. Ngày 04/11/2022, Nguyễn Ngọc Xuân Th đã giao nộp lại 03 tờ giấy mượn tiền mà Vũ Tiến Th1 viết của 03 lần vay tiền nêu trên.

3. anh Bùi Đức Ngh, sinh năm 1989, trú tại thôn Kh L, xã T Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình: Ngày 07/3/2022 Ngh vay của Th 11.000.000 đồng để Ngh sơn nhà, khi vay hai bên không viết giấy vay tiền, thỏa thuận bằng miệng lãi suất 3.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Tức là mỗi ngày Ngh phải trả số tiền lãi là $0,3\% \times 11.000.000 \text{ đồng} = 33.000 \text{ đồng}$, tương ứng 990.000 đồng/tháng, tương ứng với 109,5%/năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự. Hàng tháng cứ đủ 30 ngày Ngh sẽ trả tiền lãi cho Th tương ứng với số tiền 990.000 đồng đến khi trả được gốc thì dừng. Về việc trả lãi và gốc. Ngày 07/4/2022 Ngh trả cho Th tiền lãi tháng 04/2022 là 700.000 đồng (thiếu 290.000 đồng); Ngh xin và Th đồng ý cho.

Ngày 28/4/2022, Ngh trả lãi tháng 5/2022 là 1.000.000 đồng (thừa 10.000 đồng – cho tròn). Do khó khăn nên Ngh xin Th lùi các tháng 6, 7, 8 tương ứng với 90 ngày; Th đồng ý.

Ngày 05/9/2022, Ngh chuyển khoản cho Th 11.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng trả lãi tháng 9/2022 là (thừa 10.000 đồng – cho tròn). Như vậy giao dịch giữa Ngh và Th đã hoàn Th, số ngày lãi Ngh trả cho Th trong cả kỳ hạn vay (183 ngày - 90 ngày = 93 ngày). Số tiền lãi Ngh đã trả Th trong cả kỳ hạn vay là: 2.680.000 đồng (700.000 đồng + 990.000 đồng + 990.000 đồng), thừa 20.000 đồng xác định là Ngh cho Th. Số tiền lãi cao nhất Ngh phải trả cho Th trong 93 ngày theo quy định của BLDS là: $11.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 93 \text{ ngày} = 560.548 \text{ đồng}$. Số tiền Th thu lợi bất chính: $2.680.000 \text{ đồng} - 560.548 \text{ đồng} = \mathbf{2.119.452 \text{ đồng}}$.

4. anh Nguyễn văn L, sinh năm 1990, trú tại Thôn A B, xã Lô Giang, huyện Đông Hưng: Do Th và Lực có quan hệ quen biết nên ngày 30/4/2022 và ngày 15/8/2022 Lực có vay của Th 02 lần:

Lần thứ nhất: Ngày 30/4/2022, L vay Th số tiền 5.000.000 đồng, khi vay không viết giấy tờ gì hai bên thống nhất mức lãi suất 3.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Tức là mỗi ngày L phải trả cho Th số tiền lãi là $0,3\% \times 5.000.000 \text{ đồng} = 15.000 \text{ đồng}$, tương ứng với 109,5%/năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự, tiền lãi cứ đủ 30 ngày trả cho đến khi trả hết gốc; khi vay không có giấy tờ. Về việc trả gốc và lãi.

Ngày 29/5/2022, L dùng số tài khoản 1012990714 của L ở ngân hàng Vietcombank chuyển 450.000 đồng tiền lãi tháng 05/2022 đến số tài khoản 3405205188244 của Th ở ngân hàng AgriBank.

Ngày 04/7/2022, bằng cách thức như trên L tiếp tục chuyển vào tài khoản của Th số tiền 5.450.000 đồng bao gồm 5.000.000 đồng tiền gốc và 450.000 đồng tiền lãi tháng 6/2022. Như vậy giao dịch giữa L và Th đã hoàn Th. Việc trả lãi thực tế từ 30/4/2022 đến 30/6/2022 là 60 ngày, còn lẻ 6 ngày hai bên không tính toán. Số tiền lãi L đã trả Th trong kỳ hạn vay là $15.000 \text{ đồng} \times 60 \text{ ngày} = 900.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi tối L phải trả cho Th theo quy định của Bộ luật Dân sự là: $5.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 60 \text{ ngày} = 164.384 \text{ đồng}$. Số tiền Th thu lợi bất chính là: $900.000 \text{ đồng} - 164.384 \text{ đồng} = 735.616 \text{ đồng}$.

Lần thứ 2: Ngày 15/8/2022, L vay Th 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận như lần thứ 01 là 3.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tương ứng với 109,5%/năm, gấp 5,475 lần.

Ngày 15/9/2022, L chuyển khoản trả tiền lãi của tháng 9/2022 là 900.000 đồng. Ngày 15/10/2022 L chuyển khoản trả cho Th tiền lãi của tháng 10/2022 là 900.000 đồng, tiền gốc 10.000.000 đồng L chưa trả thì đến ngày 18/10/2022 Th bị phát hiện. Đến nay anh L đã trả hết tiền gốc.

Như vậy, từ ngày 15/8/2022 đến ngày 18/10/2022 (65 ngày), số tiền lãi L phải trả cho Th là $65 \text{ ngày} \times 30.000 \text{ đồng/ngày} = 1.950.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi tối đa L phải trả cho Th theo quy định của Bộ luật dân sự là: $10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 65 \text{ ngày} = 356.164 \text{ đồng}$. Số tiền Th thu lợi bất chính là $1.950.000 \text{ đồng} - 356.164 \text{ đồng} = 1.593.836 \text{ đồng}$. Nhưng thực tế L đã đóng lãi cho Th trong 60 ngày là 1.800.000 đồng.

5. anh Đào Hải L, sinh năm 1975, trú tại thôn P N, xã L G, huyện Đông Hưng: Ngày 13/6/2021 L vay Th số tiền 25.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Tức là mỗi ngày L phải trả số tiền lãi là $0,3\% \times 25.000.000 \text{ đồng} = 75.000 \text{ đồng}$, tương ứng với 109,5%/năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự. Th và L thống nhất cứ đủ 30 ngày L phải trả lãi cho Th tương ứng với số tiền 2.250.000 đồng, khi vay không viết giấy vay mượn tiền. Về việc trả gốc và lãi. Vào các ngày 13/7/2021, 13/8/2021, 13/9/2021, 13/10/2021, 13/11/2021, 13/12/2021, L đã đến nhà Th trực tiếp trả cho Th số tiền lãi là 2.250.000 đồng/01 tháng. Tổng số tiền lãi L đã trả cho Th là $2.250.000 \text{ đồng} \times 6 \text{ tháng} = 13.500.000 \text{ đồng}$. Đến ngày 14/12/2021 do không có tiền trả tiền lãi cho Th nên L xin Th không phải đóng tiền lãi hàng tháng mà chỉ trả tiền gốc đã vay. Th đồng ý. Ngày 15/8/2022 L dùng số tài khoản 3405215010080 của L ở ngân hàng Agribank chuyển đến số

tài khoản 3405205188244 của Th ở ngân hàng AgriBank lần lượt trả được 24.000.000 đồng tiền gốc, nợ lại 1.000.000 đồng. Th đồng ý cho nợ và không thu lãi gì.

Như vậy xác định giao dịch đã hoàn Th. Số ngày lãi còn lại sau khi hai bên đã cho nhau là 06 tháng (180 ngày) từ ngày 13/6/2021 đến ngày 14/12/2021. ngày lập thỏa thuận mới không lấy lãi của khoản tiền vay là (185 ngày). Số tiền lãi L đã trả cho Th trong kỳ hạn vay là là $75.000 \text{ đồng} \times 180 \text{ ngày} = 13.500.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi cao nhất L phải trả cho Th theo quy định của Bộ luật dân sự là: $25.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 180 \text{ ngày} = 2.465.753 \text{ đồng}$. Số tiền Th thu lợi bất chính là $13.500.000 \text{ đồng} - 2.465.753 \text{ đồng} = 11.034.247 \text{ đồng}$. Số tiền lãi thực tế L đã trả cho Th là $2.250.000 \text{ đồng} \times 6 \text{ tháng} = 13.500.000 \text{ đồng}$.

6. anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1999, HKTT: Thôn A N, xã A ChH, huyện Đông Hưng vay: Ngày 26/8/2022 H vay của Th số tiền 25.000.000 đồng, thời hạn 02 tháng, không viết giấy vay tiền, lãi suất thỏa thuận miệng là 3.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Tức là mỗi ngày H phải trả cho Th số tiền lãi là $0,3\% \times 25.000.000 \text{ đồng} = 75.000 \text{ đồng}$, tương ứng với 109,5%/năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự, đủ 30 ngày phải trả lãi một lần. Về việc trả tiền gốc và lãi.

Ngày 26/9/2022, H nhờ bạn là chị Nguyễn Thị Hương, sinh năm 1999, HKTT: Thôn Kim Châu 2, xã An Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình dùng số tài khoản 236507211 của chị Hương ở ngân hàng VPBank chuyển đến số tài khoản 3405205188244 của Th ở ngân hàng AgriBank 2.250.000 đồng tiền lãi tháng 9/2022. Ngày 01/10/2022, H đến nhà trả trực tiếp cho Th số tiền gốc đã vay là 25.000.000 đồng.

Như vậy giao dịch giữa H và Th đã hoàn Th. Số tiền lãi H đã trả cho Th trong cả kỳ hạn vay từ ngày 26/8/2022 đến ngày 26/9/2022 là (30 ngày lãi) tương ứng với số tiền là $75.000 \text{ đồng} \times 30 \text{ ngày} = 2.250.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi cao nhất H phải nộp cho Th Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là $25.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = 410.959 \text{ đồng}$. Số tiền Th thu lợi bất chính là $2.250.000 \text{ đồng} - 410.959 \text{ đồng} = 1.839.041 \text{ đồng}$.

Ngoài ra, từ tháng 5/2022 đến tháng 7/2022, Th còn cho C vay 03 lần khác nhưng không tính lãi suất, cụ thể như sau:

- **Lần thứ nhất:** Khoảng đầu tháng 5/2022, C vay của Th số tiền 10.000.000 đồng nhưng Th không tính lãi suất và không yêu cầu C phải viết giấy vay mượn tiền. Đến ngày 17/5/2022, C dùng số tài khoản 199414109999 ở ngân hàng MB Bank chuyển số tiền 10.500.000 đồng đến số tài khoản 3405205188244 của Th ở ngân hàng AgriBank, trong đó 10.000.000 đồng để trả tiền gốc đã vay của Th và 500.000 đồng là tiền lãi C tự trả cho Th.

- **Lần thứ hai:** Ngày 17/7/2022, C vay của Th số tiền 10.000.000 đồng nhưng Th không tính lãi suất và không yêu cầu C phải viết giấy vay mượn tiền; 02 ngày sau đến ngày 19/7/2022, C dùng số tài khoản 199414109999 ở ngân hàng MB Bank chuyển số tiền 10.000.000 đồng đến số tài khoản 3405205188244 của Th ở ngân hàng AgriBank để trả số tiền đã vay trước đó.

- **Lần thứ ba:** Ngày 19/8/2022, C vay Th số tiền 20.000.000 đồng nhưng Th không tính lãi suất và không yêu cầu C phải viết giấy vay mượn tiền. Mặc dù Th không tính lãi nhưng C tự thấy phải có trách nhiệm trả lãi cho Th nên ngày 26/8/2022, C dùng số tài khoản 199414109999 ở ngân hàng MB Bank chuyển số tiền 2.000.000 đồng đến số tài khoản 3405205188244 của Th ở ngân hàng AgriBank coi như là cảm ơn. Ngày 08/9/2022 và 06/10/2022, C dùng cách thức như trên để trả tiền gốc đã vay của Th, mỗi lần C trả 10.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKSĐH ngày 04/01/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố bị cáo: Nguyễn Ngọc Xuân Th - Về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên trình bày bản luận tội:

Tại phiên tòa sơ thẩm không có tình tiết nào mới, do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng giữ nguyên quan điểm như bản cáo trạng đã truy tố.

Đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc Xuân Th - Phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

+ Về tình tiết giảm nhẹ:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội; Ăn năn hối cải; Tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả; Người vay có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

+ Về tình tiết tăng nặng:

Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

+Đề nghị áp dụng khoản 2 và Khoản 3 Điều 201; Điều 50; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc Xuân Th từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm. Giao bị cáo Th cho UBND xã Lô Giang quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Đề nghị phạt bổ sung bị cáo từ 40 triệu đồng đến 60 triệu đồng để sung công quỹ.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và số tiền đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[I] Về tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố các Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tiến hành thu thập các tài liệu, chứng cứ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

- Về việc vắng mặt của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Th, anh C, anh H, anh Ngh và anh L, những người trên đã có lời khai tại Cơ quan điều tra Căn cứ vào Khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Hội đồng xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[III] Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Ngọc Xuân Th đã khai nhận:

Bị cáo làm nông nghiệp, ngày mùa có đi phụ thêm máy gặt lúa và máy cày ruộng, nên tích góp được một số tiền, khi có người hỏi vay Th đã cho vay trên tinh thần hai bên tự nguyện thỏa thuận. Bị cáo Th thừa nhận:

Trong khoảng thời gian từ 13/6/2021 đến ngày 26/8/2022, Nguyễn Ngọc Xuân Th đã cho 06 đối tượng vay gồm:

Anh Nguyễn Mạnh C; anh Vũ Tiến Th1; anh Bùi Đức Ngh; anh Nguyễn văn L; anh Đào Hải L và anh Nguyễn Văn H vay tổng số tiền 286.000.000 đồng với mức lãi suất từ 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày đến 5.000 đồng/1000.000 đồng/1 ngày tương đương 109,5%/năm đến 182,5%/năm vượt mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (20%) từ 5,475 lần đến 9,125 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Trong đó số tiền lãi được thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 41.782.452 đồng, thu lời bất chính 304.496.548 đồng (Số tiền lãi bị can đã thu thực tế của những người liên quan là 277.630.000 đồng, trong đó gồm tiền lãi được thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 39.635.661 đồng, số tiền thu lời bất chính phải trả lại cho người liên quan là 237.994.339).

Lời khai của bị cáo Nguyễn Ngọc Xuân Th phù hợp với khai của 06 người vay, cùng với 04 giấy biên nhận của người vay và bản sao kê tại Ngân hàng về việc trả lãi qua tài khoản ngân hàng, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Ngọc Xuân Th đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc Xuân Th là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích của công dân

[2] Xét tính chất và mức độ của hành vi phạm tội:

Với mức độ thu lợi bất chính số tiền 237.994.339 đồng thì hành vi của Nguyễn Ngọc Xuân Th thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[3] Tình tiết tăng nặng:

Bị cáo đã có 02 lần thu lãi trên 30 triệu đồng với hành vi cho vay lãi nặng nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

[4] Tình tiết giảm nhẹ:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội; Ăn năn hối cải; Tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả; Người vay có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, khi cho vay giữa bị cáo và người vay đều tự nguyện thỏa thuận, khi người vay không trả đúng hạn không có hành vi đe dọa hoặc thuê người đòi nợ, khi người vay khó khăn Th còn cho lãi suất, bản chất của bị cáo là nông dân do hiểu biết về quy định trong tín dụng có hạn chế chỉ vì ham lãi suất cao nên đã cho vay. Việc cho vay hoàn toàn do một mình Th thực hiện không có tổ chức và không mang tính chất chuyên nghiệp. Bị cáo hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ. Do đó, về hình phạt áp dụng hình phạt tù, cho hưởng án treo và áp dụng Khoản 3 điều 201 của Bộ luật Hình sự để phạt thêm bằng tiền cũng đủ giáo dục và cải tạo bị cáo trở Th người lương thiện. Như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Về xử lý vật chứng và tiền liên quan đến hành vi phạm tội:

Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Được giải quyết cụ thể như sau::

5.1 -Đối với anh Nguyễn Mạnh C:

Vay tiền gốc 100.000.000 đồng đã trả lãi (63.000.000 đồng + 3.000.000 đồng = 66.000.000 đồng). Số tiền thu 20% lãi theo quy định của bộ luật dân sự mà anh C phải trả là:

$66.000.000 \text{ đồng} \times \text{số ngày vay } 210 \text{ ngày} \times 20\% : 365 \text{ ngày} = 7.594.520 \text{ đồng}.$

Số tiền thu lời bất chính là $66.000.000 \text{ đồng} - 7.594.520 \text{ đồng} = 58.405.000 \text{ đồng}$ (làm tròn số). Số tiền 58.405.000 đồng được hoàn trả lại cho anh C, anh C phải nộp lại số tiền gốc chưa trả để sung công quỹ nhà nước là $100.000.000 \text{ đồng} - 58.405.000 \text{ đồng} = 41.595.000 \text{ đồng}.$

Bị cáo Th phải nộp số tiền nộp lại số tiền gốc chưa trả để sung công quỹ nhà nước là 100.000.000 đồng - 41. 595.000 đồng (tiền gốc anh C phải nộp sung công quỹ) = 58.405.000đồng + 7.594.520đồng (tiền lãi 20%) = 65.999.500 đồng (làm tròn số).

5.2 Đối với anh Vũ Tiến Th1:

Số tiền lãi anh Vũ Tiến Th1 vay tiền gốc 110.000.0000 đồng, anh Th đã trả lãi là 193.500.000 đồng (trả 03 lần lãi lần lượt là 82.500.000 đồng + 75.000.000 đồng + 35.000.000 đồng = 193.500.000 đồng). Theo cách tính như trường hợp của anh C thì số tiền lãi được thu 20% tại thời điểm trả lãi lần lượt là: 14.917.808 đồng + 12.328.767 đồng + 3.550.648 đồng = 30.797.200 đồng (làm tròn số). Số tiền thu lợi bất chính từ anh Vũ Tiến Th1 bị cáo Th phải trả cho anh Tiến Th là: 193.500.000 đồng - 30.797.200 đồng = 162.702.800 đồng. Nhưng số tiền gốc anh Tiến Th chưa trả bị cáo nên: Buộc anh Tiến Th phải nộp 110.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước

Buộc bị cáo Th phải nộp số tiền thu lãi 20% để sung công quỹ nhà nước là 30.797.200 đồng.

5.3- Đối với anh Bùi Đức Ngh:

Tiền gốc 11.000.000 đồng đã trả hết cho bị cáo Th. Bị cáo Th phải nộp lại 11.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

Anh Ngh đã trả lãi vượt quá 20% là: 2.680.000 đồng - 137.000 đồng = 2.543.800đồng (Làm tròn số). Buộc bị cáo Th phải trả lại anh Ngh số tiền 2.543.800đồng. Buộc bị cáo Th nộp 137.000 đồng tiền thu 20% và 11.000.000 đồng tiền gốc để sung công quỹ Nhà nước là 11.137.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

5.4- Đối với anh Nguyễn văn L:

Anh Lực đã trả hết 15.000.000 tiền gốc. Bị cáo Th phải nộp lại 15.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Anh Lực đã trả lãi vượt qua 20% là: 1.800.000 đồng – 356.164 đồng = 1.444.000 đồng. Tại phiên tòa anh Lực không yêu cầu lấy lại số tiền trả vượt quá. Do đó, bị cáo Th phải nộp 02 khoản là 15.000.000 đồng (tiền gốc) + 1.800.000 đồng (tiền thu lãi (thực tế) của anh Lực) = 16.800.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

5.5- Đối với anh Đào Hải L:

Anh L đã trả hết 25.000.000 tiền gốc. Bị cáo Th phải nộp lại 25.000.000 đồng tiền gốc để sung công quỹ Nhà nước.

Anh L đã trả lãi (thực tế)vượt quá 20% là: 13.500.000 đồng – 1.131.206 đồng = 12.168.750 đồng (làm tròn số). Buộc bị cáo Th trả cho anh L số tiền 12.168.750 đồng.

Bị cáo Th phải nộp 02 khoản là 25.000.000 đồng(tiền gốc) + 1.131.206 đồng (tiền thu 20%) = 26.331.000 đồng (làm tròn số) để sung công quỹ Nhà nước.

5.6- Đối với anh Nguyễn Văn H

Anh H đã trả hết 25.000.000 tiền gốc. Anh H đã trả lãi vượt qua 20% là: 2.250.000 đồng(đã trả lãi) - 410.959 đồng = 1.839.041 đồng. Buộc bị cáo Th phải trả anh H số tiền 1.839.000 đồng (Làm tròn số).

Bị cáo Th phải nộp 02 khoản là 25.000.000 đồng(tiền gốc) + 410.959 đồng (tiền thu 20%) = 25. 410.900 đồng (làm tròn số) để sung công quỹ Nhà nước.

-N như vậy tổng số tiền bị cáo Th phải nộp để sung công quỹ nhà nước là: **176.475.000 đồng** (đã làm tròn số) .

-Số tiền bị cáo tự nguyện nộp tại cơ quan điều tra 66 triệu đồng được khấu trừ vào khoản bị cáo Th phải thi hành án.

Đối với chiếc điện thoại bị cáo Th đã dùng vào việc theo dõi việc trả nợ. Nên cần tịch thu hóa giá sung công quỹ.

[6] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc Xuân Th - Phạm tội tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

[2] Về áp dụng luật và hình phạt:

- Áp dụng khoản 2 và Khoản 3 Điều 201; Điều 65; Điều 50; Điều 65; điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

+Xử phạt bị cáo 01(một)năm 03(ba)tháng tù *cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02(hai) năm 06 (sáu) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Lô Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình nơi bị cáo cư trú, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.*

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Nguyễn Ngọc Xuân Th vi phạm nghĩa vụ theo Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Xuân Th phải thi hành hình phạt tù là 01(một)năm 03(ba)tháng tù.

+ Phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Ngọc Xuân Th là 30.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

[3] Về xử lý vật chứng và tiền liên quan đến hành vi phạm tội:

- Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo Th phải nộp tổng số tiền số tiền là **176.475.000 đồng** (đã làm tròn số) để sung công quỹ nhà nước.

Buộc anh Vũ Tiến Th1 phải nộp 110.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

Buộc anh Nguyễn Mạnh C nộp lại số 41.595.500 đồng để sung công quỹ nhà nước.

Buộc bị cáo Th phải hoàn trả lại cho:

1-Anh Vũ Tiến Th1 số tiền: 162. 702.800 đồng.

2- Anh Bùi Đức Ngh số tiền 2.543.800đồng.

3- Anh Đào Hải L số tiền 12.168.750 đồng.

4- Anh Nguyễn Văn H số tiền 1.839.000 đồng.

Số tiền bị cáo Nguyễn Ngọc Xuân Th tự nguyện nộp tại cơ quan điều tra 66.000.000 đồng được khấu trừ vào khoản bị cáo Th phải thi hành án.

-Tịch thu hóa giá sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại OPPO Reno 5, vỏ màu xanh đen, đã qua sử dụng, số IMEI1: 867329050383038 và số IMEI2: 867329050383020, bên trong lắp 01 SIM số 0386.110.511 của bị cáo Th để sung công quỹ nhà nước.

[4] Về án phí:

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, quy định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí.

Bị cáo Nguyễn Ngọc Xuân Th phải chịu 200.000đ tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, Người có quyền lợi liên quan và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày. Thời hạn kháng cáo đối với Bị cáo và anh Lực có mặt tại phiên tòa tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa tính từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận

- Bị cáo
- VKS, CA, THA h Đông Hưng.
- VKS tỉnh Thái Bình.
- Người CQLNVLQ.
- Sở tư pháp (khi án có hiệu lực)
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Tiến Hưng

